

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/12/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1	7:25	19	0		19	0	
2		P11+BK4	7:25	16+6	0+0		12+9	0+0	
3		P8+BK10+P2	7:25	5+8+9	0+0+0		0+11+11	0+0+0	
4		RC5+CLO+GTCL	7:25	1+18+1	0+0+0		0+19+0	0+0+0	
5		P9	9:25	19	0		19	0	
6		P10+P1	9:25	22+0	0+0		11+11	0+0	
7		TTC2+CTK3+P10	9:25	4+7+11	0+0+0		0+1+21	0+0+0	
8		BK19+BK3+P9	9:25	1+6+15	0+0+0		0+5+14	0+0+0	
9		P2+P11+BK10	11:25	13+8+1	0+0+0		7+11+4	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ Đi về trong ngày BK10-3ng, P11-8ng

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/12/2024	TO: TD1	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:50
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ĐTRUNG - XTRƯỜNG	ETA: 09:40
TRANG-1			

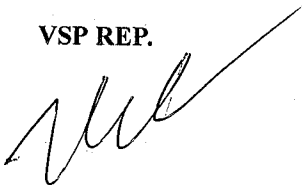
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAM TIEN NINH	TD1	17	1	8			70	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN HUY QUANG	TD1	67	1	4			72	KHOAN	Vietnamese
3	VU THANH CONG	TD1	79	1	6			70	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN MANH TIET	TD1	81	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN VAN PHONG	TD1						66	KHOAN	Vietnamese
6	BUI VAN LUAN	TD1	72	1	3			74	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN NAM	TD1	75	1	10			72	YTE	Vietnamese
8	PHAM VAN HUNG	TD1	73	1	3			54	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM QUANG ANH	TD1						82	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN THANH TUAT	TD1	70	1	5			60	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TUYEN	TD1	77	1	9			70	KHOAN	Vietnamese
12	TRUONG XUAN TRUNG	TD1	76	1	6			80	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN DINH NAM	TD1	80	1	5			80	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN BAO	TD1	78	1	12			78	KHOAN	Vietnamese
15	NINH DUC THUAT	TD1	40	1	7			66	KHOAN	Vietnamese
16	DUONG QUOC VIET	TD1	74	1	12			86	KHOAN	Vietnamese
17	LE XUAN THANG	TD1	68-69	2	22			81	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN MINH PHUC	TD1	71	1	20			67	KHOAN	Vietnamese
19	VU XUAN QUY	TD1	66	1	9			97	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	19	1.395	18	146	0	0	19		
TOTAL		19	1.395	18	146	0	0	19		
WEIGHT KG			1.395		146		0			

GRAND TOAL: 1.541 KGS

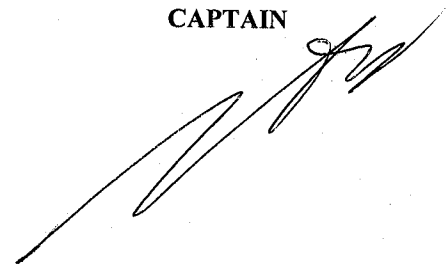
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/12/2024	TO: P11 - BK4	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - SƠN - HIẾU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ QUANG TUÂN	P11						80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGÔ ĐỨC HAI	P11						74	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ĐỨC TOÀN	P11	21	1	3			85	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC ANH TUÂN	P11						69	KH-THAC	Vietnamese
5	CHU MINH HÙNG	P11	16	1	3			86	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN KHAN	P11	19-20	2	12			75	PSV	Vietnamese
7	NGÔ DUY KHIÊM	P11	09	1	8			72	YTE	Vietnamese
8	TRẦN MẠNH HÙNG	P11						73	YTE	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH TRUNG	P11	07-08	2	7			74	NHATHAU	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY HÀ	P11	22	1	8			86	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG VĂN TRỌNG	P11	10	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN THIÊN THANH	P11	15	1	8			86	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VIỆT DŨNG	P11	18	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P11	11-13	3	15			60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NHÂN	P11	14	1	10			62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU NGŨ	P11	17	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	BK4	31	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
18	CHU QUỲNH AN	BK4	30	1	7	2	25	107	KH-THAC	Vietnamese
19	NGÔ ĐĂNG ĐỨC	BK4						70	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỒNG VĂN THỊNH	BK4	28	1	9			88	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN MINH TRÍ	BK4	32	1	6			58	PSV	Vietnamese
22	PHẠM XUÂN MẠNH	BK4	29	1	5			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P11	16	1.187	16	90	0	0	12		
2	BK4	6	473	5	34	2	25	9		
TOTAL		22	1.660	21	124	2	25	21		
WEIGHT KG			1.660		124		25			

GRAND TOAL: 1.809 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/12/2024	TO: P8 - BK10 - P2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: HUNG - HTRUNG -	ETA: 09:25
CAM-1		QTRUONG	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM VĂN TUÂN	P8	37-38	2	13	2	40	60	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
2	HỒ SỸ MINH	P8	40	1	11			77	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN THANH	P8	29-30	2	14			63	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN MAI	P8	36	1	8			68	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
5	TRANG NGỌC HAI	P8	39	1	12			68	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
6	VŨ VĂN MẠNH	BK10						81	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG THĂNG	BK10				3	50	74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG HIẾN	BK10	66	1	3			52	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ CÔNG LƯU	BK10	63-64	2	12			66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	67	1	6			84	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG VŨ	BK10						81	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM HOÀNG GIANG	BK10	65	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH SƠN	BK10	68	1	3			72	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH HAI	P2	42	1	11			62	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐÀO VĂN ĐỨC	P2	40-41	2	7			66	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN ĐĂNG TUÂN	P2	39	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN ĐỘ	P2						65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG HAI	P2	44-45	2	17			87	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TUÂN ĐẠT	P2	46	1	5			86	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐÀO QUANG THIẾT	P2	43	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN ĐÌNH ĐẠI	P2	47-48	2	16			71	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ THANH LONG	P2	38	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P8	5	336	7	58	2	40	0		
2	BK10	8	584	6	27	3	50	11		
3	P2	9	660	11	74	0	0	11		
TOTAL		22	1.580	24	159	5	90	22		
WEIGHT KG			1.580		159		90			

GRAND TOAL: 1.829 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/12/2024	TO: RC5 - CLO - GTC1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: ĐỨC - KHẢI - HTNAM	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM ĐÌNH THẮNG	RC5	84	1	6	1	20	84	NIPI	Vietnamese
2	NGUYỄN PHU VINH	CLO	26	1	6			56	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN LẬP QUỐC	CLO	30	1	3			62	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM ĐỨC MINH	CLO	41	1	3			63	KHOAN	Vietnamese
5	TRỊNH HUNG ANH	CLO	44	1	7			53	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM CÔNG CHUNG	CLO	29	1	6			79	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ VĂN QUỲNH	CLO	42	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
8	HOÀNG TRUNG THÔNG	CLO	31	1	5			81	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN THỂ NHƯ	CLO	32-33	2	20			63	KHOAN	Vietnamese
10	HOÀNG THANH MINH	CLO	39-40	2	12	1	6	64	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	CLO						82	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH NHÂN	CLO	43	1	2			62	KHOAN	Vietnamese
13	BUI XUÂN DUY	CLO	45	1	5			69	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM NGUYỄN TRUNG KIẾN	CLO	38	1	7			94	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ MINH HIỆU	CLO	34-35	2	15			70	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG MẠO	CLO	23	1	17	1	16	75	BAKER HU	Vietnamese
17	ĐOÀN THANH HUY	CLO	27-28	2	14			64	BAKER HU	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN BÌNH	CLO	25	1	16			80	BAKER HU	Vietnamese
19	NGUYỄN BA HÙNG	CLO	36-37	2	11			79	DVL	Vietnamese
20	VŨ MINH PHƯƠNG	GTC1	07	1	11	2	26	69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC5	1	84	1	6	1	20	0		
2	CLO	18	1.269	22	154	2	22	19		
3	GTC1	1	69	1	11	2	26	0		
TOTAL		20	1.422	24	171	5	68	19		
WEIGHT KG			1.422		171		68			

GRAND TOAL: 1.661 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/12/2024	TO: P9	AIRCRAFT: 620	ETD: 10:10
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: ĐTRUNG - XTRƯỜNG	ETA: 12:00
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VASIANKIN A.	P9	62	1	9			120	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN MANH HUNG	P9	66	1	9			79	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO ĐỨC MINH	P9	68	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI NGOC THANH	P9						75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HIEU	P9	55-56	2	9			68	YTE	Vietnamese
6	TRAN THANH HAI	P9	61	1	5			83	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG MANH THANG	P9	65	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
8	LE MINH THUY (5406)	P9	60	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
9	TA TIEN MANH	P9	58	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGO AN CHUNG	P9	70	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
11	LE MINH THUY (15598)	P9						75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VIET CUONG	P9	67	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
13	HO SI BINH	P9	69	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN VAN BANG	P9	59	1	5	1	17	63	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN VAN DUNG	P9	63	1	3			54	KH-THAC	Vietnamese
16	VU DINH THUAN	P9	64	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN NGUYEN MANH TUONG	P9	51	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
18	HO NAM TRUNG	P9	53-54	2	17			83	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN CAO CHI	P9	57	1	6			57	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P9	19	1.376	19	111	1	17	19		
TOTAL		19	1.376	19	111	1	17	19		
WEIGHT KG			1.376		111		17			

GRAND TOAL: 1.504 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Fuel pilot



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/12/2024		TO: P10 - P1		AIRCRAFT: 410				ETD: 09:50		
FLIGHT: 6		FROM: VT		CREW: VTHẮNG - SƠN - HIẾU				ETA: 11:40		
XANH-2										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	K LỘC	P10	70	1	10	1	4	66	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ BAO AN	P10	64	1	10	1	19	76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU HẬU	P10	69	1	8			89	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH KHOA	P10	63	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY NGỌC	P10	53	1	11			71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN BAO LAM	P10	58	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ HOÀNG SƠN	P10	55	1	14			78	XAYLAP	Vietnamese
8	HÀ XUÂN BÌNH	P10	56-57	2	19			70	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TRUYỀN	P10	61-62	2	16			56	XAYLAP	Vietnamese
10	VŨ ĐÌNH THỤ	P10	59-60	2	8			73	YTE	Vietnamese
11	HÀ QUANG TRUNG	P10	67	1	12	1	11	52	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10	50	1	3			81	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	P10	52	1	9			66	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ MẠNH HOÀNG	P10	73	1	7			80	DHANH	Vietnamese
15	TRẦN ĐỨC BA	P10	46	1	3			78	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ BAO TRUNG	P10	72	1	5			87	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ CHÍ HIỆU	P10	49	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
18	DANG NGUYEN PHUONG VU	P10						78	DHANH	Vietnamese
19	TRẦN VĂN LỢI	P10	68	1	10			62	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN GIÁP	P10	48	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P10	66	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN DUC HANH	P10	54	1	4	2	25	110	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P10	22	1.638	24	177	5	59	11		
2	P1	0	0	0	0	2	40	11		
TOTAL		22	1.638	24	177	7	99	22		
WEIGHT KG			1.638		177		99			

GRAND TOAL: 1.914 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/12/2024	TO: TTC2 - CTK3 - P10	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HUNG - HTRUNG -	ETA: 11:45
CAM-2		QTRUONG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐẠO ĐỨC THAI	TTC2	84	1	15	1	40	92	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ HUY MẠNH	TTC2	400	1	13	2	40	82	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN DUY LONG	TTC2	08,14	2	19			60	KH-THAC	Vietnamese
4	VU XUÂN TÂM	TTC2	99	1	14			67	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN TRUNG HIỆP	CTK3	61	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN NGUYỄN BẢO MINH	CTK3	64	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
7	KUZMENKO T.V.	CTK3	59	1	5			82	KH-THAC	Russian
8	KRAPIVKA V.S.	CTK3	60	1	3			80	KH-THAC	Russian
9	NGUYỄN TIẾN HÙNG	CTK3	15	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN KÝ TUÂN	CTK3	62	1	2			83	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ TUÂN ANH	CTK3	63	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	33	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT ANH	P10	34	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	35	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM QUỐC CUÔNG	P10	36	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM NGỌC THANH	P10						66	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ THỊ CẨM THU	P10	85-86	2	11			61	YTE	Vietnamese
18	TRẦN VIỆT LÝ	P10	84	1	7			78	PSV	Vietnamese
19	ĐẠO VĂN DŨNG	P10	82	1	3			76	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH CUÔNG	P10	81	1	5			81	PSV	Vietnamese
21	VU DINH CUONG	P10	83	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN DINH HAI	P10	51	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TTC2	4	301	5	61	3	80	0		
2	CTK3	7	538	7	38	0	0	1		
3	P10	11	775	11	57	0	0	21		
TOTAL		22	1.614	23	156	3	80	22		
WEIGHT KG			1.614		156		80			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/12/2024	TO: BK19 - BK3 - P9	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: ĐỨC - KHẢI - HTNAM	ETA: 11:50
VANG-2			

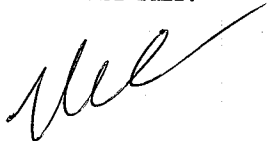
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN NGỌC TUẤN	BK19	46-47	2	19	2	35	78	DK9	Vietnamese
2	HOANG VAN THAI	BK3	12	1	5	4	80	64	KH-THAC	Vietnamese
3	VU XUAN THUY	BK3	10	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
4	LE HUNG CUONG	BK3	09	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
5	TU DUONG HUNG	BK3	13	1	5			65	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN VAN LINH	BK3	11	1	3			69	PSV	Vietnamese
7	LE VAN TU	P9	97	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN VAN HAI	P9	100	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TIEN TUNG	P9	98	1	4			82	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HUU MANH	P9	24,694	2	11			74	BIEN DONG	Vietnamese
11	NGUYEN HUU CUONG	P9	94	1	7	1	17	48	BIEN DONG	Vietnamese
12	PHAN BA QUY	P9	90	1	8			63	BIEN DONG	Vietnamese
13	TRANG MANH HAO	P9	89	1	7			71	BIEN DONG	Vietnamese
14	DUONG LE LAP	P9	88	1	7			60	BIEN DONG	Vietnamese
15	NGUYEN HUU TUNG BACH	P9	93	1	14			61	BIEN DONG	Vietnamese
16	TRUONG CONG TUAN	P9	72	1	9			72	BIEN DONG	Vietnamese
17	ĐAM HUY TRUNG	P9	91	1	10	1	14	63	BIEN DONG	Vietnamese
18	VU XUAN CHINH	P9	96	1	10			65	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN VIET PHONG LUU	P9	99	1	12			91	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAM CONG TUAN	P9	87	1	5			59	PSV	Vietnamese
21	ĐAO VAN KHOA	P9	86	1	8			64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

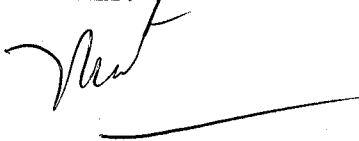
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK19	1	78	2	19	2	35	0		
2	BK3	5	344	5	24	4	80	6		
3	P9	15	1.012	16	120	2	31	14		
TOTAL		21	1.434	23	163	8	146	20		
WEIGHT KG			1.434		163		146			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/12/2024	TO: P2 - P11 - BK10	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: KHOÀN - MTHAO - TOAN	ETA: 14:00
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DƯƠNG VĂN THUẬN	P2	16-18	3	10			62	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN HỮU BẢO	P2	01	1	12			94	KH-THAC	Vietnamese
3	HÀ VĂN TRUNG	P2	14	1	13			78	KH-THAC	Vietnamese
4	DƯƠNG HOANG HIẾU	P2	19	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
5	DƯƠNG ĐÌNH QUÂN	P2	20	1	9			74	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG TRỌNG THAO	P2	15	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC DANH	P2	07	1	15			63	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG QUÊ	P2	04	1	14			69	XAYLAP	Vietnamese
9	VU VĂN TÂN	P2	02-03	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ ANH TUẤN	P2	10-11	2	18			82	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐẠO NGUYỄN DU MẠC	P2	12	1	14	1	11	65	XAYLAP	Vietnamese
12	DƯƠNG VĂN TUẤN	P2	05-06	2	20			63	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG NGỌC	P2	08-09	2	9			64	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HÙNG	P11	28	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGHIÊM ANH THÀNH	P11	31-32	2	12			64	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU LONG	P11	30	1	12			72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HOANG MINH	P11	16	1	8			71	CODIEN	Vietnamese
18	ĐỖ VĂN THANH	P11	33	1	10	2	13	87	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN HAI TRUNG	P11	29	1	4			71	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN QUÂN	P11	27	1	5			63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P2	13	935	19	168	1	11	7		
2	P11	7	493	8	54	2	13	10		
3	BK10	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		20	1.428	27	222	3	24	21		
WEIGHT KG			1.428		222		24			

GRAND TOAL: 1.674 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/12/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK20+TD2	7:25	4+16	0+0		3+19	0+0	
2		CNV+BK15+CTK3	7:25	10+0+10	0+0+0		7+5+10	0+0+0	
3		BK9+GTC1+RC5	7:25	15+3+0	0+0+0		15+2+5	0+0+0	
4		CTK3	9:25	22	0		22	0	
5		BK14+RC8+RC4	9:25	14+0+0	0+0+0		12+0+10	0+0+0	CHUYEN 1 RC8-RC4

TTĐBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/12/2024	TO: BK20 - TD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: N.ANH - HUNG - DTUNG	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM THANH TÀI	BK20	06-07	2	14	1	20	82	KH-THAC	Vietnamese
2	LUƠNG HOANG ANH	BK20	08-09	2	20			89	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HOANG TUNG	BK20	04-05	2	20			86	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC VIỆT	BK20	11	1	10			61	PSV	Vietnamese
5	BUI THỌ DƯƠNG	TD2	45	1	6	5	90	62	KHOAN	Vietnamese
6	NOROV DENIS	TD2	82	1	5			87	KHOAN	Russian
7	VŨ NGOC HOAN	TD2	39	1	6			69	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VĂN XUÂN	TD2	43	1	6			78	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ VINH THUẬT	TD2	46	1	6			76	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ VĂN NAM	TD2	37	1	6			75	KHOAN	Vietnamese
11	ĐỖ XUÂN VANG	TD2	85	1	3			83	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN VĂN TÚ	TD2	38	1	5			67	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ TÂN TÍNH	TD2	40-41	2	9			70	KHOAN	Vietnamese
14	BUI VĂN THOẠI	TD2	80-81	2	15			72	YTE	Vietnamese
15	HOANG VIỆT LINH	TD2	83	1	5			106	KHOAN	Vietnamese
16	GIANG VĂN VƯƠNG	TD2	42	1	8			62	KHOAN	Vietnamese
17	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD2	47	1	9			58	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TÍNH	TD2	36	1	15			83	KHOAN	Vietnamese
19	NGÔ VĂN SƠN	TD2	84	1	9			85	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ HUYNH TRUNG	TD2	44	1	8			77	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK20	4	318	7	64	1	20	3		
2	TD2	16	1.210	18	121	5	90	19		
TOTAL		20	1.528	25	185	6	110	22		
WEIGHT KG			1.528		185		110			

GRAND TOAL: 1.823 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/12/2024	TO: CNV - BK15 - CTK3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: CHIẾN - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 09:25
CAM - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐẶNG ĐỨC HẠNH	CNV	05-06	2	14			64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TRONG MANH	CNV	07-09	3	21			64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VU HOANG	CNV	03-04	2	19			77	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG QUANG HUY	CNV	47-48	2	11			63	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO ĐỨC THĂNG	CNV	10	1	5	5	85	69	KH-THAC	Vietnamese
6	PHÙNG VĂN KHANH	CNV	49	1	10	1	11	73	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG NHẬT ANH	CNV	13-14	2	13	2	21	54	T-TIN	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC LANG	CNV	11-12	2	22			62	T-TIN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN THAO	CNV	01	1	4	1	13	77	PSV	Vietnamese
10	CAO VĂN ĐẬU	CTK3	06	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN TRI	CTK3	10	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THIEN TOAN	CTK3	15	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÌNH NHỎ HOÀNG	CTK3	14	1	8			88	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN QUY	CTK3	08-09	2	14			62	YTE	Vietnamese
15	VŨ XUÂN TRỰC	CTK3	16	1	7			61	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	CTK3	11	1	5			46	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TÚ THĂNG	CTK3	07	1	3			61	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ QUANG HAI	CTK3	12	1	13			72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH PHÚC	CTK3	13	1	3			49	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRI TIN	CTK3						83	DIEU PHAI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CNV	9	603	16	119	9	130	7		
2	BK15	0	0	0	0	0	0	5		
3	CTK3	11	729	11	64	0	0	10	1 NB	
TOTAL		20	1.332	27	183	9	130	22		
WEIGHT KG			1.332		183		130			

GRAND TOAL: 1.645 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/12/2024	TO: BK9 - GTC1 - RC5	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐỨC - KHẢI - HTNAM	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐẶNG HOÀNG ANH	BK9	12-13	2	10			83	KH-THAC	Vietnamese
2	VÕ THE HẬU	BK9	08	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ TRƯỜNG AN	BK9	11	1	9	3	55	81	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN TRUNG KIẾN	BK9	09-10	2	12			71	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐO MINH ĐỨC	BK9	50	1	7			70	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAN MINH DŨNG	BK9	46-47	2	18			68	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG ĐÌNH	BK9	55	1	14			56	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ XUÂN TÌNH	BK9	48-49	2	14			72	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT ĐỨC	BK9	06-07	2	21			70	XAYLAP	Vietnamese
10	LUU QUANG NGHỊ	BK9	200,01	2	19			67	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ ĐĂNG ĐẠO	BK9	02-03	2	14			68	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐẶNG XUÂN VĂN	BK9	51-52	2	15			83	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THẮNG	BK9	04-05	2	21			71	XAYLAP	Vietnamese
14	VÕ TIỀN PHÁT	BK9	53-54	2	22			73	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐO LY KHANH	BK9	45	1	12			85	PSV	Vietnamese
16	VU VAN TIEN	GTC1	66	1	11	1	14	71	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VĂN TÂN	GTC1	64-65	2	16			64	XAYLAP	Vietnamese
18	PHÙNG VĂN PHƯƠNG	GTC1	08	1	9			62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK9	15	1.085	25	215	3	55	15		
2	GTC1	3	197	4	36	1	14	2		
3	RC5	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		18	1.282	29	251	4	69	21		
WEIGHT KG			1.282		251		69			

GRAND TOAL: 1.602 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/12/2024	TO: CTK3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: CHIẾN - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 11:45
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM NGỌC CHIẾN	CTK3	49	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
2	TRƯỜNG VĂN HAI	CTK3	56	1	8			82	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG PHƯƠNG NAM	CTK3	52	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI VĂN BÁC	CTK3	48	1	4			50	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH LUAN	CTK3	33	1	9	2	15	63	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN NGỌC TRI	CTK3	16	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN VĂN CHUYỀN	CTK3	47	1	3			50	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐINH QUANG HOÀN	CTK3	46	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH VĂN SƠN	CTK3	58	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ ĐĂNG MINH ĐỨC	CTK3	42	1	8			91	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ CÔNG AN	CTK3						70	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ THANH HÀ	CTK3	44	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN PHÚC PHƯỢNG	CTK3	45	1	3			81	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG VIỆT HUNG	CTK3	54	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ TRI NANG	CTK3	53	1	10			76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN NAM	CTK3	43	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI TIEN DUNG	CTK3	50	1	8			59	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG HIỀN	CTK3	57	1	4			65	HVJOC	Vietnamese
19	ĐOÀN MINH HIỆP	CTK3	55	1	8			57	NAM TIEN	Vietnamese
20	BUI VĂN HUY	CTK3	51	1	11			67	ANTOAN	Vietnamese
21	LÊ VĂN LỘC	CTK3	40-41	2	15			60	T-TIN	Vietnamese
22	TRẦN VĂN NGŨ	CTK3	39	1	5	3	32	86	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	22	1.520	22	146	5	47	22		
TOTAL		22	1.520	22	146	5	47	22		
WEIGHT KG			1.520		146		47			

GRAND TOAL: 1.713 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

lưu VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/12/2024	TO: BK14 - RC8 - RC4	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: N.ANH - HÙNG - DTÙNG	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐỖ MINH TOÀN	BK14	67-68	2	17	2	40	110	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH THỊNH	BK14	70	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ANH TUẤN	BK14	78-79	2	18			91	KH-THAC	Vietnamese
4	DOAN QUANG TUẤN	BK14	77	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HOANG NGUYỄN	BK14	74	1	4			84	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HỒNG MINH	BK14	66	1	9			94	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT LONG	BK14	73	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG DU KHANH	BK14	75	1	6	1	18	77	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN KHẮC THĂNG	BK14	71	1	7			61	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI MINH HAI	BK14	65	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HUU TRIỆT	BK14	72	1	9			63	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH TRUNG	BK14	64	1	5			76	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH TUẤN	BK14	69	1	7			57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK14	13	982	15	108	3	58	12		
2	RC8	0	0	0	0	0	0	0-1/1		CHUYEN 1 PAX RC8-RC4
3	RC4	0	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		13	982	15	108	3	58	22		
WEIGHT KG			982		108		58			

GRAND TOAL: 1.148 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN